

Bản án số: 23/2023/DS-PT

Ngày: 07/6/2023

V/v Tranh chấp về đòi lại tài sản là  
quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền  
với đất, buộc tháo dỡ công trình trên  
đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

*Các Thẩm phán:*

Bà Trịnh Thị Thu Lan

Ông Trần Mười

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Thanh Tân- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:**  
Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLPT-DS ngày 15/02/2023, về “*Tranh chấp về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, buộc tháo dỡ công trình trên đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ĐP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2023/QĐ-PT ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Xuân D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn DT, xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Bị đơn:** Ông Phạm Văn L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn DT, xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị L1, sinh năm 1936.

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1960.

- Bà Lê Thị B (Mỹ), sinh năm 1967.

- Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1958.

- Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1963.
- Ông Lê Xuân H, sinh năm 1948.
- Bà Lê Thị D1, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Thôn DT, xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D1:* Ông Lê Xuân D, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn DT, xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1:* Bà Hồng Thị Tr1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Lê Xuân L2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn MM, xã TB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1963.
- Ông Lê Xuân B1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp TP, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Lê Xuân H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà B NN, phường NN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân H1:* Ông Lê Xuân D, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn DT, xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Lê Xuân H2.

Địa chỉ: Hẻm C, số nhà 0/9C, đường 30/4 phường HL, quận NK, thành phố Cần Thơ.

- Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP

Địa chỉ: Vp Chùa PL, tổ dân phố B, phường NN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Trưởng Ban Trị sự: Ông Đinh Quang L3- pháp danh Thượng tọa Thích Tâm L4.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Ngọc X– Phó Thư ký Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP.

- Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Chùa PH – Số B đường THĐ, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Trưởng Ban Trị sự: Hòa thượng Thích Thông H3.

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Địa chỉ Văn phòng 2: Thiền Viện QĐ, số 0 NKKN, Quận b, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Kim O- Chủ tịch UBND xã PK.

Địa chỉ trụ sở: Xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

**4. Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Lê Xuân D.

(Tại phiên tòa, ông Lê Xuân D, ông Phạm Văn L, ông Lê Ngọc X, bà Hồng Thị Tr1 có mặt; bà Trần Thị L1, bà Lê Thị B, ông Lê Xuân Đ, ông Lê Xuân B1, đại diện của UBND xã PK có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Minh Th, ông Lê Xuân H, ông Lê Xuân L2, ông Lê Xuân H2, đại diện Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi và đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Xuân D trình bày:*

Nguồn gốc phần đất có chùa KQ tại thửa đất số 26 (hiện tại là thửa đất 1339) tờ bản đồ số 50 xã PK, thị xã ĐP, diện tích đo đạc thực tế là 419,4m<sup>2</sup> là của ông Lê T khai hoang để lại cho ông Lê G (ông nội của ông Lê Xuân D). Ngôi chùa này trước đây do ông G xây dựng, diện tích chỉ khoảng 20m<sup>2</sup>. Đầu năm 1982 ông G chết, con dâu của ông G là bà Trần Thị L1 quản lý sử dụng một thời gian sau đó giao cho chùa. Năm 1996 gia tộc họ Lê có xin gia nhập chùa vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ông D là người ghi biên bản. Năm 1998 chùa KQ được công nhận ban hộ tự để quản lý. Thời điểm lập biên bản của gia tộc họ Lê, không có xác nhận của địa phương và chỉ cho 1/3 trong số những người thừa kế của ông Lê G đồng ý. Việc chùa xin gia nhập vào Giáo hội chỉ để sinh hoạt theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chứ gia tộc họ Lê không hiến đất. Mặt khác năm 2009 ông Phạm Văn L - Phó Trưởng ban hộ tự chùa cùng với bà L1, ông Lê Xuân H tự lập biên bản xác định diện tích đất chùa 476m<sup>2</sup>, tiếp đó năm 2019 ông L tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chùa, ông không đồng ý. Sau khi gia nhập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ông có cho phép ông L được mở rộng xây thêm một số công trình khác phục vụ cho chùa chứ ông không cho đất. Toàn bộ 419,4m<sup>2</sup> đất và 2 công trình gồm nhà thờ phật, thờ vong linh diện tích 52,7m<sup>2</sup>, nhà tiền đường diện tích 31,8m<sup>2</sup> là di sản của ông Lê G để lại, ông yêu cầu ông Phạm Văn L phải trả lại cho ông hai công trình này và tháo dỡ các công trình đã làm sau khi gia nhập vào Giáo hội gồm nhà sinh hoạt, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tạm, mái hiên, sân phơi, hồ nước của chùa KQ để trả lại 419,4m<sup>2</sup> đất cho ông và những người thừa kế khác của ông Lê G là: bà Trần Thị L1, bà Lê Thị Th, ông Lê Xuân Đ, bà Lê Thị Mỹ, ông Lê Xuân B1, ông Lê Xuân L2, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Minh Th, ông Lê Xuân H, bà Lê Thị D1, ông Lê Xuân H1 và ông Lê Xuân H2.

Đối với các tự khí, tự vật bao gồm: 1 tượng phật thích ca mâu ni, 1 tượng địa tạng, 1 tượng quan thế âm bồ tát, 1 tượng hộ pháp, 1 tượng tiêu diện, 1 chuông nhỏ, 1 mõ nhỏ, 1 chuông trung, 1 mõ trung, 1 tiểu hồng chung, 1 trống, 2 bàn bằng gỗ đặt tượng hộ pháp, tiêu diện, 1 tủ gỗ để kinh sách, ông yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông không làm đơn khởi kiện.

Về giấy tờ đất: Ông chỉ biết đất đã xây chùa KQ có nguồn gốc của ông Lê G để lại. Đối với trích lục Đại Nam Trung kỳ ông nộp cho Tòa án bản photo, trích lục này nằm ngoài phần đất có Chùa.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:*

Chùa KQ tọa lạc tại xóm 4, thôn DT, xã PK được thành lập vào năm 1824. Nguồn gốc đất có chùa KQ tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 xã PK là của ông Lê G. Ông G trước đây là trụ trì chùa KQ, trước năm 1995 chùa mới chỉ có diện tích 20m<sup>2</sup>, năm 1996 gia tộc họ Lê xin gia nhập chùa vào Huyện Hội Phật Giáo Việt Nam huyện ĐP, khi gia nhập chùa đã xuống cấp, hư hỏng nặng nên Ban hộ tự chùa mới sửa lại chùa lần đầu vào ngày 19/6 âm lịch năm Bính Tý (năm 1996) và sau này chùa có làm thêm các công trình khác phục vụ cho các sinh hoạt của chùa nên diện tích đất có chùa đo đạc thực tế là 419,4m<sup>2</sup> tại thửa đất số 26 (hiện tại là thửa 1339) tờ bản đồ số 50 xã PK. Kinh phí xây chùa và cơ sở vật chất khác của chùa là do tín đồ Phật tử đóng góp kiến tạo. Chùa KQ là một cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt dưới sự quản lý của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, không còn là tài sản của gia tộc họ Lê ở thôn DT, xã PK. Việc ông D cho rằng chỉ gia nhập chùa vào Giáo hội để sinh hoạt chứ không hiến đất là điều vô lý vì chùa là tài sản gắn liền trên đất. Nay ông Lê Xuân D khởi kiện đòi lại chùa, ông không thống nhất.

Chùa không phải tài sản của cá nhân ông, bản thân ông không tranh chấp đất với những người thừa kế của ông Lê G. Ông chỉ là Phó trưởng Ban hộ tự của chùa, ông không có quyền định đoạt việc trả đất hay tháo dỡ chùa KQ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP trình bày:*

Theo quy định tại Điều 63 chương XI của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có động sản, bất động sản hợp pháp do tư nhân hiến cúng hợp pháp, do các thành viên tăng ni, cư sĩ Phật tử thuộc các tổ chức giáo hội, tổ chức hội và hệ phái Phật tử qua các thời kỳ xây dựng, tạo mãi, được giáo hội bảo hộ và quản lý chung. Chùa KQ đã được gia tộc họ Lê tự nguyện gia nhập vào Huyện Hội Phật giáo Việt Nam huyện ĐP (nay là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP) vào ngày 27/8/1996 và đã được Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi chấp nhận chùa KQ là đơn vị trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo Thông báo số 033/TB-BTS ngày 18/6/1998; chùa cũng đã được công nhận thành lập Ban hộ tự theo Quyết định số 076/QĐ-BTS ngày 09/12/2000 của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi và ngày 02/4/2009 gia tộc họ Lê cũng đã xác định diện tích đất thuộc chùa KQ là 476m<sup>2</sup>. Chùa KQ là đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP. Theo quy định tại Điều 26, 27 Nội quy Ban tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chùa KQ thuộc hệ thống tự viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt

Nam tỉnh Quảng Ngãi, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP phân cấp quản lý.

Đối với ông Phạm Văn L - phó ban hộ tự chùa KQ là đại diện cho Giáo hội các cấp để trực tiếp làm việc với Tòa án, ông L không có quyền định đoạt đối với chùa KQ. Việc định đoạt tài sản của tự viện chỉ có Trung ương giáo hội, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi mới có quyền định đoạt tài sản của tự viện.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Năm 1998 chùa KQ đã được chấp nhận là đơn vị trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chùa KQ là đơn vị tự viện cơ sở trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam, do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi quản lý, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP trực tiếp điều hành các hoạt động phật sự của chùa KQ. Ông Phạm Văn L chỉ là Phó trưởng ban hộ tự của chùa. Chùa KQ không còn là tài sản của gia đình ông Lê G; phần công trình trên đất của chùa và các tự vật, tự khí là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi quản lý, sở hữu, sử dụng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giáo hội Phật giáo Việt Nam trình bày:*

Chùa KQ tại thôn DT, xã PK, thị xã ĐP là cơ sở tự viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chùa KQ được phân cấp thuộc quyền quản lý của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân xã PK, ông Phạm Kim O - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trình bày:*

Chùa KQ tọa lạc tại thôn DT, xã PK, thị xã ĐP, có vị trí phía Tây Nam thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 xã PK được đo vẽ năm 2006; năm 2016, thửa đất 26 được chỉnh lý tách thành 2 thửa: 1339 và 1340, phần đất có chùa thuộc thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 50 xã PK, diện tích đo đạc thực tế 419,4m<sup>2</sup>, nguồn gốc đất là của ông Lê G. Năm 1996 Chùa KQ đã gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sinh hoạt theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Từ năm 1996 đến nay phần đất xây dựng chùa KQ do Ban hộ tự chùa KQ và Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP quản lý, sử dụng. Đại diện UBND xã đề nghị phía nguyên đơn rút đơn kiện để bên chùa làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 đã khai và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 là bà Hồng Thị Tr1 trình bày:*

Bà L1 là con dâu của ông Lê G, là mẹ của ông Lê Xuân D. Chùa KQ có nguồn gốc do ông Lê G tạo lập, năm 2009 bà và ông Lê Xuân H cùng với ông Phạm Văn L xác định phần diện tích đất có chùa; đối với yêu cầu của ông D, bà

đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân H1, bà Lê Thị D1 là ông Lê Xuân D trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 26 tờ bản đồ số 50 xã PK là của ông Lê G. Ông G có 6 người con. Khi còn sống ông G có xây dựng trên thửa đất này nhà thờ Kim Quang, nay ông Phạm Văn L tranh chấp để làm sổ đỏ cho chùa KQ, các ông bà không đồng ý, ông bà thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th, ông Lê Xuân Đ, bà Lê Thị B, ông Lê Xuân B1, ông Lê Xuân Đ, ông Lê Xuân L2, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Minh Th trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 xã PK là của ông Lê G. Khi còn sống ông G có xây dựng trên thửa đất này nhà thờ Kim Quang, nay ông Phạm Văn L tranh chấp để làm sổ đỏ cho chùa KQ, các ông bà không đồng ý. Bà Th, bà B, ông L2 có ý kiến thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân H trình bày:*

Ông là con của ông Lê G. Chùa KQ đã gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1996, không còn là tài sản của ông Lê T, Lê G. Năm 2009 ông và bà Trần Thị L1 cùng với địa chính xã PK đã xác định diện tích, ranh giới đất chùa, đất của gia đình ông và của bà Trần Thị L1, xác định diện tích đất của chùa là 476m<sup>2</sup>. Nay ông D kiện đòi lại chùa và yêu cầu tháo dỡ tài sản của chùa, ông không đồng ý.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ĐP đã tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Xuân D về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn L phải trả 419,4m<sup>2</sup> đất cùng hai nhà cấp IV (nhà thờ phật 52,7 m<sup>2</sup> và nhà tiền đường 31,8 m<sup>2</sup>), buộc tháo dỡ các công trình khác gồm nhà sinh hoạt, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tạm, mái hiên, sân phơi, hồ nước của chùa KQ trên thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 50 xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng, nguyên đơn phải chịu các chi phí này, đã chi phí xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2022, 31/10/2022, 02/11/2022 ông Lê Xuân D có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Phạm Văn L trả lại cho ông 419,4m<sup>2</sup> đất cùng nhà thờ phật 52,7m<sup>2</sup> và tiền đường 31,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50, xã PK và tháo dỡ các công trình xây dựng khác trên đất.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Xuân D kháng cáo trong hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Minh Th, ông Lê Xuân H, ông Lê Xuân L2, ông Lê Xuân H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Ngày 10/10/2022, 31/10/2022, 02/11/2022 nguyên đơn ông Lê Xuân D có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi. Xét thấy, thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo của ông D là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Xuân D thấy rằng:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Xuân D cho rằng chùa KQ tại thôn DT, xã PK diện tích 419,4m<sup>2</sup> tại thửa đất 1339 (trước đây là một phần của thửa đất số 26) tờ bản đồ số 50, xã PK, thị xã ĐP là di sản do ông nội là Lê G để lại, nên khởi kiện đòi bị đơn là ông Phạm Văn L phải trả lại đất, hai nhà cấp IV (nhà thờ phật 52,7m<sup>2</sup> và nhà tiền đường 31,8m<sup>2</sup>) và buộc tháo dỡ một số công trình khác trên đất của chùa KQ.

Ngày 27.8.1996 gia tộc họ Lê có xin gia nhập chùa vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam để sinh hoạt theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chứ gia tộc họ Lê không hiến đất.

[2.2] Bị đơn ông Phạm Văn L thì cho rằng ông D xác định ông là người bị kiện trong vụ án dân sự nêu trên là không đúng quy định pháp luật. Bởi vì tài sản ngôi chùa KQ gắn liền với diện tích 419,4m<sup>2</sup> mà ông D yêu cầu trả lại không phải tài sản của cá nhân ông, vì chùa KQ đã gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sau khi gia nhập chùa đã trùng tu, sửa chữa nhiều lần nhưng ông D

và những người thừa kế khác của ông Lê G không phản đối. Bản thân ông chỉ là người được Giáo hội phân công cho việc tu tập Phật sự tại chùa không có tư cách đại diện và quyết định các vấn đề liên quan tài sản và đất chùa KQ. Từ trước đến nay ông không tranh chấp đất với ông D.

[2.3] Theo Thông báo số 033/TB-BTS ngày 18/6/1998 và ý kiến của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP, cơ quan tổ chức – nội vụ của UBND thị xã ĐP xác định: Sau khi gia tộc họ Lê tại thôn DT, xã PK xin gia nhập chùa KQ vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1996, chùa KQ đã được Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo Thông báo số 033/TB-BTS ngày 18/6/1998 (*Chấp nhận cho đơn vị chùa, ban hộ tự chùa và toàn thể đạo hữu gia nhập vào GHPGVN*), chùa là đơn vị trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chùa do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi quản lý, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thị xã ĐP trực tiếp điều hành các hoạt động Phật sự chùa KQ. Theo Quyết định số 076/QĐ-BTS ngày 09/12/2000 của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, chùa KQ cũng đã được công nhận thành lập Ban hộ tự để điều hành các Phật sự của chùa trong đó ông L là phó ban hộ tự, chùa chưa được bổ nhiệm trụ trì.

[2.4] Từ các nhận định trên, có căn cứ xác định chùa KQ được chấp thuận và thành lập theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là một tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo quy định tại Khoản 13 Điều 2 Luật tín ngưỡng tôn giáo, Điều 57 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Mặt khác theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 và Điều 29 Nội quy ban tăng sự Trung ương, chùa là sở hữu chung của cộng đồng do Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm chủ sở hữu duy nhất, Ban hộ tự (tự viện chưa có trụ trì) chỉ là người được Giáo hội Phật giáo Việt Nam giao quyền sử dụng, quản lý tự viện, quyền định đoạt tự viện do Trung ương giáo hội, Ban Trị sự tỉnh mới có quyền định đoạt.

Chùa KQ đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam phân cấp cho Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi quản lý, định đoạt. Ông Phạm Văn L chỉ là người được Giáo hội giao cho việc tu tập, sinh hoạt theo Hiến chương giáo hội Phật giáo tại chùa, không có quyền định đoạt trả lại đất hay tháo dỡ công trình trên đất.

[2.5] Như vậy, việc nguyên đơn ông Lê Xuân D khởi kiện đòi lại đất, hai nhà cấp IV (nhà thờ Phật 52,7m<sup>2</sup> và nhà tiền đường 31,8m<sup>2</sup>) và buộc tháo dỡ một số công trình khác trên đất gắn liền với ngôi chùa KQ nhưng lại xác định và chỉ khởi kiện đối với người bị kiện là cá nhân ông Phạm Văn L là xác định không đúng người bị kiện theo quy định tại các điều 5, 7, 10, 54, 159, 169 Luật đất đai.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho nguyên đơn để thay đổi người bị kiện trong vụ án này không phải cá nhân ông Phạm Văn L mà là tổ chức đại diện theo pháp luật cho cơ sở tôn giáo (chùa KQ) theo quy định tại Điều 134, 135, 158, 194 Bộ luật dân sự và các quy định pháp luật có liên quan. Tại phiên

tòa phúc thẩm ông D cũng xác định cá nhân ông L không có quyền định đoạt, quyết định tài sản (quyền sử dụng đất và vật kiến trúc) liên quan đến ngôi chùa KQ. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là kiện ông Phạm Văn L.

[2.7] Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, việc hình thành tài sản trên đất tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để làm rõ. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Lê Xuân D khởi kiện người bị kiện là ông Phạm Văn L là không đúng đối tượng nên cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông D vì xác định không đúng người bị kiện trong vụ án là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Xuân D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm sửa lại cách tuyên.

Trường hợp có tranh chấp về quyền sử dụng đất, người khởi kiện kiện đúng chủ thể (người bị kiện) thì Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271 và 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 7, 10, 54, 159, 169 Luật đất đai; Điều 134, 135, 158 và 194 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Điều 57 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Điều 27, 29 Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Xuân D, giữ nguyên Bản án số 35/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân D về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn L phải trả cho ông Lê Xuân D và những người thừa kế khác của ông Lê G là 419,4m<sup>2</sup> đất cùng hai nhà cấp IV (nhà thờ phật 52,7m<sup>2</sup> và nhà tiền đường 31,8m<sup>2</sup>), buộc tháo dỡ các công trình khác gồm nhà sinh hoạt, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tạm, mái hiên, sân phơi, hồ nước của chùa KQ trên thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 50 xã PK, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng, nguyên đơn phải chịu các chi phí này, nguyên đơn đã nộp và chi xong.

3. Về án phí: Ông Lê Xuân D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã ĐP;
- Chi cục THADS thị xã ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Mai Hạnh**